

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-08-2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vương Thị Thu Lan

Bà Ngô Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Đinh Phú Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 08 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2022 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Hoàng Thu H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái

Tạm trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hoàng Văn N trình bày: Tôi và chị Hoàng Thu H kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 20 tháng 08 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái đến tháng 01 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi và chị H không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Tôi và chị H không có con chung nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái sinh sống từ tháng 01 năm 2019 và chúng tôi sống ly thân nhau từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị H.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay chị H tạm trú tại thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Những lần Tòa án gửi các giấy tờ cho chị H, ông Hoàng Văn T là bố đẻ chị H đã nhận và giao các giấy tờ của Tòa án cho chị H. Chị H biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa anh N và chị nhưng chị H cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Hoàng Văn N được ly hôn chị Hoàng Thu H.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh Hoàng Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn N và chị Hoàng Thu H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 20 tháng 08 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Anh N cho rằng sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã và vợ chồng không có con chung nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng xảy ra. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không được. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái sinh sống từ tháng 01/2019. Anh chị sống ly thân nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay không ai quan tâm đến ai cả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Anh N xin ly hôn chị H là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Anh N và chị H hiện nay đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho anh N được ly hôn chị H là có căn cứ.

[4] Về con chung: Không có

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Hoàng Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn N được ly hôn chị Hoàng Thu H.

2. Về án phí: Anh Hoàng Văn N phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0002842 ngày 25/05/2022 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Anh N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Y.
- Lưu HS-TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng